

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã, năm 2017

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLDTB&XH ngày 27/5/2010 về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ;

Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 16/7/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Công văn số 527/SNV-XDCQ ngày 14/4/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng công chức xã, huyện Quảng Trạch.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã, năm 2017.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Quyết định này thay thế cho Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 05/6/2017 của UBND huyện về việc ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã, năm 2017;

**Điều 3.** Chánh Văn phòng HĐND & UBND huyện; Trưởng phòng Nội vụ; Thủ trưởng các phòng, ban; Chủ tịch UBND các xã; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ; (để BC)
- CT và các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND; (đăng Website)
- Phòng Nội vụ;
- Thủ trưởng các phòng, ban có liên quan;
- UBND các xã;
- Lưu VT, NV

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Đạt

**KẾ HOẠCH**  
**Tuyển dụng công chức cấp xã năm 2017**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của UBND huyện Quảng Trạch)

**PHẦN A. CĂN CỨ ĐỂ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH**

**1. Căn cứ pháp lý:**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Nghị định 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ quy định về chức danh, số lượng, một số chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường, thị trấn và những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Căn cứ Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 03/2010/TTLT-BNV-BTC-BLĐTB&XH ngày 27/5/2010 về hướng dẫn thực hiện Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ;

Quyết định số 1630/QĐ-UBND ngày 16/7/2010 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc quy định số lượng cán bộ, công chức xã, phường, thị trấn theo Nghị định số 92/2009/NĐ-CP ngày 22/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Hướng dẫn số 972/HD-SNV ngày 13/8/2013 của Sở Nội vụ về thực hiện một số nội dung trong Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình;

Căn cứ Công văn số 527/SNV-XDCQ ngày 14/4/2017 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Bình về việc thẩm định Kế hoạch tuyển dụng công chức xã, huyện Quảng Trạch.

**2. Căn cứ thực tiễn:**

Căn cứ tình hình thực tế biên chế và đề nghị của Chủ tịch UBND các xã có nhu cầu tuyển dụng công chức cấp xã năm 2017.

**PHẦN B. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

**I. CHỈ TIÊU, HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG:**

**1. Chỉ tiêu tuyển dụng**

Tổng số 10 chỉ tiêu. (Có biểu phụ lục 01 đính kèm).

**1.1. Xét tuyển:** 8 chỉ tiêu. Trong đó:

✓

- UBND xã Quảng Hợp: 01 chỉ tiêu;
- UBND xã Quảng Kim: 02 chỉ tiêu;
- UBND xã Quảng Châu: 01 chỉ tiêu;
- UBND xã Quảng Thạch: 01 chỉ tiêu;
- UBND xã Cảnh Hóa: 01 chỉ tiêu;
- UBND xã Phù Hóa: 02 chỉ tiêu;

**1.2. Tiếp nhận không qua thi tuyển:** 02 chỉ tiêu. Trong đó:

- UBND xã Quảng Thanh: 01 chỉ tiêu;
- UBND xã Quảng Tiến: 01 chỉ tiêu;

## **2. Hình thức tuyển dụng**

**2.1.** Xét tuyển bằng hình thức xét kết quả học tập của người dự tuyển và phỏng vấn về chức trách, nhiệm vụ, vị trí việc làm của chức danh công chức dự tuyển theo Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 3, Điều 2; Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn: gồm 08 chỉ tiêu, được quy định tại Mục 1.1; Phần I chỉ tiêu, hình thức tuyển dụng.

**2.2.** Tiếp nhận không qua thi tuyển đối với các trường hợp đặc biệt bằng hình thức kiểm tra, sát hạch. Kiểm tra về các điều kiện, tiêu chuẩn, văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng; Sát hạch thông qua phỏng vấn về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn nghiệp vụ của người được đề nghị tiếp nhận theo Điểm a, Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ và Khoản 1, Điều 22; Khoản 1, Điều 23, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn: gồm 02 chỉ tiêu, được quy định tại Mục 1.2; Phần I chỉ tiêu, hình thức tuyển dụng.

## **II. VỊ TRÍ VIỆC LÀM CẦN TUYỂN DỤNG:**

Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký xét tuyển: Có chuyên ngành đào tạo và các văn bằng, chứng chỉ phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng được quy định tại khoản 3 Điều 2 Quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn ban hành kèm theo Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình, cụ thể *(có biểu phụ lục số 02 đính kèm)*.

## **III. NỘI DUNG TUYỂN DỤNG:**

### **1. Đối tượng tuyển dụng**

**1.1.** Đối tượng đăng ký xét tuyển vào các chức danh công chức cấp xã phải tốt nghiệp từ Trung cấp chuyên nghiệp trở lên đối với các xã, thị trấn miền núi, vùng cao, biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

**1.2.** Đối tượng đăng ký kiểm tra, sát hạch tiếp nhận công chức cấp xã không qua thi tuyển là những người tốt nghiệp đại học (hệ chính quy) loại giỏi trở lên ở trong nước, loại khá trở lên ở nước ngoài và người có trình độ thạc sĩ trở lên có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công chức cấp xã cần tuyển dụng.

### **2. Điều kiện, tiêu chuẩn xét tuyển**



## **2.1. Điều kiện**

**2.1.1.** Người có đủ các điều kiện sau đây không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo được đăng ký dự tuyển công chức:

- Có một quốc tịch là quốc tịch Việt Nam;
- Đủ 18 tuổi trở lên;
- Có đơn dự tuyển; có lý lịch rõ ràng;
- Có văn bằng, chứng chỉ phù hợp;
- Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt;
- Đủ sức khỏe để thực hiện nhiệm vụ;
- Các điều kiện khác theo yêu cầu của vị trí dự tuyển.

**2.1.2.** Những người sau đây không được đăng ký dự tuyển:

- Không cư trú tại Việt Nam;
- Mất hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hoặc đã chấp hành xong bản án, quyết định về hình sự của Tòa án mà chưa được xóa án tích; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

**2.1.3.** Điều kiện cụ thể về trình độ chuyên môn

- Đối tượng tham gia dự tuyển vào các chức danh công chức cấp xã phải tốt nghiệp từ trung cấp chuyên nghiệp trở lên đối với các xã miền núi, vùng cao, vùng đặc biệt khó khăn các ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ của chức danh công chức dự tuyển.

- Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng được quy định ở Mục II Kế hoạch này;

- Chấp hành sự phân công công tác của UBND huyện khi được tuyển dụng. Đáp ứng các yêu cầu khác theo yêu cầu của vị trí việc làm do UBND xã xác định nhưng không được trái với quy định của pháp luật.

## **2.2. Tiêu chuẩn**

### **2.2.1. Tiêu chuẩn chung**

- Hiểu biết về lý luận chính trị, nắm vững quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

- Có năng lực tổ chức vận động nhân dân ở địa phương thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước;

- Có trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp yêu cầu nhiệm vụ, vị trí việc làm, có đủ năng lực và sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

- Am hiểu và tôn trọng phong tục, tập quán của cộng đồng dân cư trên địa bàn công tác.

### **2.2.2. Tiêu chuẩn cụ thể**

\* Ưu tiên trong tuyển dụng:

- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng Lao động, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh: được cộng 30 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển.

- Người dân tộc thiểu số, sĩ quan quân đội, sĩ quan công an, quân nhân chuyên nghiệp, người làm công tác cơ yếu chuyên ngành, con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh, con của người hưởng chính sách như thương binh, con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước), con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học, con Anh hùng Lực lượng vũ trang, con Anh hùng Lao động; được cộng 20 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển.

- Người hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ phục vụ có thời hạn trong lực lượng công an nhân dân, nghĩa vụ dân quân tự vệ, đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện tham gia phát triển nông thôn, miền núi từ đủ 24 tháng trở lên; người có thời gian giữ chức danh hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn và tổ dân phố liên tục từ 03 năm trở lên; được cộng 10 điểm vào tổng số điểm thi tuyển hoặc xét tuyển.

Người dự thi tuyển hoặc xét tuyển thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả thi tuyển hoặc xét tuyển theo quy định.

\* Ưu tiên tuyển trước:

Đề nâng cao chất lượng đội ngũ công chức cấp xã, đồng thời tạo nguồn cán bộ kế cận cho các địa phương, ưu tiên tuyển trước đối với người tốt nghiệp đại học loại giỏi, xuất sắc hệ chính quy, công lập các trường đại học trong nước, sinh viên tốt nghiệp đại học ở nước ngoài được bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận tại thời điểm người đăng ký tuyển dụng tốt nghiệp. Nếu có cùng điều kiện như trên thì ưu tiên tuyển tiếp theo là người có hộ khẩu thường trú tại xã nơi có chức danh, chỉ tiêu tuyển dụng; tiếp đến người có hộ khẩu tại huyện Quảng Trạch. Trường hợp không có người có hộ khẩu thường trú tại huyện Quảng Trạch thì mới xét đến người có hộ khẩu ở địa phương khác trong tỉnh.

- Ưu tiên người có trình độ đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cao hơn.

### **3. Hồ sơ của người dự tuyển**

- Đơn đăng ký dự thi tuyển, xét tuyển theo mẫu quy định;

- Bản sơ yếu lý lịch tự thuật do cơ quan có thẩm quyền xác nhận (chính quyền xã, phường, thị trấn nơi cư trú hoặc cơ quan bố, mẹ người dự thi tuyển, xét tuyển) trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Bản sao giấy khai sinh;

- Bản chụp các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển (khi trúng tuyển sẽ đối chiếu với bản chính); trường hợp đã tốt nghiệp nhưng cơ sở đào tạo chưa cấp bằng hoặc chứng chỉ tốt nghiệp thì nộp giấy chứng nhận tốt nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;

- Giấy chứng nhận sức khỏe do tổ chức y tế có thẩm quyền cấp trong thời hạn 30 ngày, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;

- Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng công chức cấp xã (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;

- 04 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ người nhận, 2 ảnh cỡ 4 x 6.

\*Lưu ý: - Toàn bộ hồ sơ để vào bì lớn. Hồ sơ không được tẩy xóa. Những hồ sơ không đúng quy định, Hội đồng tuyển dụng sẽ không tiếp nhận. Hồ sơ nộp tại Phòng Nội vụ ( cơ quan tổ chức tiếp nhận hồ sơ); không nhận hồ sơ qua

đường bưu điện; người dự tuyển nộp 02 bộ hồ sơ. Hồ sơ dự tuyển không phải trả lại cho người đăng ký dự tuyển và không sử dụng để thực hiện xét tuyển công chức cấp xã lần sau.

#### **4. Lệ phí đăng ký dự tuyển**

- Lệ phí xét tuyển: 500.000 đồng/người.
- Lệ phí phúc khảo: 150.000 đồng/người.

#### **5. Quy định đăng ký vị trí, chức danh tuyển dụng**

Một thí sinh chỉ được đăng ký một hồ sơ dự tuyển (*xét tuyển hoặc đề nghị tiếp nhận không qua thi tuyển*) vào một vị trí, chức danh tại một xã có nhu cầu tuyển dụng (*tương ứng với một mã dự tuyển*) và không bảo lưu kết quả xét tuyển cho lần tuyển dụng sau. Thí sinh nào vi phạm sẽ không được dự tuyển hoặc bị hủy bỏ kết quả tuyển dụng.

#### **6. Nội dung, kiến thức ôn tập liên quan đến tuyển dụng**

##### **6.1. Nội dung tuyển dụng**

- Xét kết quả học tập của người dự tuyển;
- Phỏng vấn về chức trách, nhiệm vụ, vị trí việc làm của chức danh công chức dự tuyển.

##### **6.2. Kiến thức liên quan đến kiểm tra, sát hạch**

###### **6.2.1 Kiến thức chung**

- Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;
- Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;
- Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 về công chức xã, phường, thị trấn;
- Thông tư số 06/2012/TT-BNV ngày 30/10/2012 của Bộ Nội vụ Hướng dẫn về chức trách, tiêu chuẩn cụ thể, nhiệm vụ và tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

###### **6.2.2 Kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ**

###### **a. Đối với người đăng ký dự tuyển công chức Văn phòng – Thống kê**

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;
- Luật Lưu trữ số 01/2011/QH13 ngày 11/11/2011;
- Luật Thống kê số 89/2015/QH13;
- Nghị định số 94/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thống kê;
- Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
- Thông tư số 01/2011/TT-BNV ngày 19/01/2011 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản hành chính.

###### **b. Đối người đăng ký dự tuyển công chức Địa chính – Xây dựng – Nông nghiệp – Môi trường**

- Luật Đất đai số 45/2013/QH13;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

- Nghị định số 64/2012/NĐ-CP ngày 04/9/2012 của Chính phủ về cấp phép xây dựng

### **c. Đối người đăng ký dự tuyển công chức Tư pháp – Hộ tịch**

- Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13 ngày 20/11/2014 của Quốc hội, Khóa XIII;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

- Luật xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13 ngày 20/6/2012;

- Nghị định 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;

- Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

### **d. Đối với người đăng ký dự tuyển công chức Tài chính – Kế toán**

- Luật Quản lý sử dụng tài sản nhà nước số 09/2008/QH12 ngày 03/6/2008;

- Luật ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

- Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015.

## **7. Cách tính điểm**

**7.1.** Điểm học tập (ĐHT) được xác định bằng trung bình cộng kết quả các môn học trong toàn bộ quá trình học tập của người dự tuyển ở trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo yêu cầu của chức danh công chức dự tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 2.

**7.2.** Điểm tốt nghiệp (ĐTN) được xác định bằng trung bình cộng kết quả các bài thi tốt nghiệp hoặc điểm bảo vệ luận văn của người dự xét tuyển, được quy đổi theo thang điểm 100 và tính hệ số 1.

**7.3.** Điểm phỏng vấn (ĐPV) được tính theo thang điểm 100 (*điểm phần kiến thức chung 50, điểm phần kiến thức chuyên ngành 50, cộng lại là tổng điểm kết quả phỏng vấn, sát hạch*) và tính hệ số 1.

**7.4.** Kết quả xét tuyển hoặc kiểm tra, sát hạch là tổng số điểm của điểm học tập, điểm tốt nghiệp, điểm phỏng vấn tính theo quy định tại mục 7.1, 7.2 và 7.3 Điều này và điểm ưu tiên theo quy định tại mục 2.2.2 Kế hoạch này.

- Kết quả xét tuyển (KQXT) hoặc kiểm tra, sát hạch (KTSH) là tổng điểm của điểm học tập (ĐHT), điểm tốt nghiệp (ĐTN), điểm phỏng vấn (ĐPV) đã tính theo hệ số quy định, điểm ưu tiên (*nếu có*).

**KQXT hoặc KTSH = ĐHT x 2 + ĐTN + ĐPV + ĐIỂM ƯU TIÊN (NẾU CÓ)**

**7.5.** Trường hợp người dự tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì điểm học tập (ĐHT), đồng thời là điểm tốt nghiệp (ĐTN) và được quy đổi theo thang điểm 100, tính hệ số 3.

- Trường hợp người dự tuyển được đào tạo theo hệ thống tín chỉ thì kết quả xét tuyển là tổng số điểm được tính:

**KQXT hoặc KTSH = ĐHT x 3 + ĐPV + ĐIỂM ƯU TIÊN (NẾU CÓ)**

## **8. Xác định người trúng tuyển**

*vx*

**8.1.** Người trúng tuyển trong kỳ tuyển dụng công chức cấp xã phải có đủ các điều kiện sau đây:

- Có điểm học tập (chưa nhân hệ số 2), điểm tốt nghiệp và điểm phỏng vấn, sát hạch mỗi loại đạt từ 50 điểm trở lên (*Trong đó: điểm phỏng vấn kiến thức chung và kiến thức chuyên ngành mỗi phần đạt từ 25 điểm trở lên*);

- Có kết quả xét tuyển hoặc kiểm tra, sát hạch cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng chức danh công chức;

- Được cộng điểm ưu tiên (nếu có) vào kết quả tuyển dụng theo điểm 2.2.2, Mục III của Kế hoạch này.

**8.2.** Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả xét tuyển hoặc kết quả kiểm tra, sát hạch bằng nhau ở chức danh công chức cần tuyển thì xác định người trúng tuyển như sau: Người có trình độ đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ cao hơn trong danh sách dự tuyển cùng một chức danh là người trúng tuyển, tiếp đó là người trong diện ưu tiên tuyển trước được quy định tại mục 2.2.2 Tiêu chuẩn cụ thể. Sau đó mới đến người có kết quả điểm học tập cao hơn là người trúng tuyển; nếu kết quả điểm học tập bằng nhau thì người có kết quả điểm tốt nghiệp cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn chưa xác định được người trúng tuyển thì Chủ tịch Hội đồng xét tuyển báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định người trúng tuyển.

**8.3.** Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển hoặc kiểm tra, sát hạch công chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển hoặc kiểm tra, sát hạch lần sau.

## **9. Thành lập Hội đồng xét tuyển và kiểm tra, sát hạch**

- Chủ tịch UBND huyện thành lập Hội đồng xét tuyển và kiểm tra, sát hạch công chức xã đối với người đăng ký tuyển dụng công chức. Hội đồng thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 112/2011/NĐ-CP ngày 05/12/2011 của Chính phủ về công chức xã, phường, thị trấn; Điều 7, Điều 23 Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

- Hội đồng xét tuyển và kiểm tra, sát hạch công chức cấp xã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 8, Điều 23 Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

## **10. Thành lập Ban Giám sát kỳ xét tuyển và kiểm tra, sát hạch**

Ban Giám sát kỳ tuyển dụng công chức xã được Chủ tịch UBND huyện quyết định thành lập; Ban Giám sát thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 9, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc ban hành quy chế tuyển dụng công chức xã, phường, thị trấn.

## **11. Thông báo xét tuyển, kiểm tra, sát hạch và tiếp nhận hồ sơ**

- Giao phòng Nội vụ phối hợp với Văn phòng HĐND&UBND huyện thông báo công khai trên Báo Quảng Bình, trang thông tin điện tử của huyện Quảng Trạch tại địa chỉ [quangtrach.quangbinh.gov.vn](http://quangtrach.quangbinh.gov.vn), niêm yết công khai tại

phòng Nội vụ, thông báo bằng văn bản gửi tới các địa phương có nhu cầu, vị trí tuyển dụng công chức cấp xã để niêm yết công khai về tiêu chuẩn, điều kiện, số lượng cần tuyển dụng, thời hạn và địa điểm tiếp nhận hồ sơ của người đăng ký dự xét tuyển, kiểm tra, sát hạch.

- Phòng Nội vụ tham mưu cho UBND huyện phát hành và thu nhận hồ sơ người dự xét tuyển và kiểm tra, sát hạch.

- Thời gian phát hành và thu nhận hồ sơ: Dự kiến từ ngày 12 tháng 6 năm 2017 đến hết ngày 12 tháng 7 năm 2017 (Kể từ khi thông báo tuyển dụng) tại phòng Nội vụ huyện Quảng Trạch.

## **12. Tổ chức xét tuyển và kiểm tra, sát hạch**

- Dự kiến ngày 15 tháng 7 năm 2017: Niêm yết công khai danh sách những người đủ điều kiện dự xét tuyển tại phòng Nội vụ huyện Quảng Trạch, UBND các xã nơi có nhu cầu tuyển dụng, tiếp nhận công chức.

- Thông báo triệu tập những người đăng ký dự tuyển đến phòng vấn, kiểm tra, sát hạch (*thông báo trước 07 ngày tổ chức phỏng vấn*).

- Trước ngày tổ chức phỏng vấn 01 ngày, Hội đồng xét tuyển, kiểm tra, sát hạch niêm yết danh sách thí sinh theo số báo danh và theo phòng phỏng vấn, sơ đồ vị trí các phòng, nội quy phỏng vấn tại địa điểm tổ chức phỏng vấn.

- Hướng dẫn nội dung, hình thức phỏng vấn.

- Chuẩn bị địa điểm để Hội đồng xét tuyển làm việc.

- Tổ chức phỏng vấn đối với những người đăng ký dự tuyển.

- Địa điểm: Tại Hội trường UBND huyện Quảng Trạch.

- Thời gian: Dự kiến ngày 22/7 đến 23/7 năm 2017.

- Tổng hợp kết quả xét tuyển báo cáo Chủ tịch UBND huyện.

- Gửi hồ sơ người dự tuyển, kết quả tuyển dụng, công văn đề nghị Sở Nội vụ thẩm định.

## **13. Thông báo kết quả xét tuyển và kiểm tra, sát hạch, giải quyết khiếu nại, tố cáo**

### **13.1. Thông báo kết quả xét tuyển và kiểm tra, sát hạch**

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được kết quả xét tuyển và kiểm tra, sát hạch của Hội đồng tuyển dụng hoặc của phòng Nội vụ cấp huyện (trong trường hợp không thành lập Hội đồng tuyển dụng), Ủy ban nhân dân cấp huyện phải thông báo công khai kết quả xét tuyển và kiểm tra, sát hạch trên trang thông tin điện tử huyện, thành phố và niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tuyển dụng, đồng thời gửi thông báo kết quả xét tuyển và kiểm tra, sát hạch bằng văn bản đến người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

### **13.2. Giải quyết khiếu nại**

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày niêm yết công khai kết quả xét tuyển và kiểm tra, sát hạch người dự tuyển có quyền gửi đơn đề nghị xem xét lại kết quả xét tuyển và kiểm tra, sát hạch. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện tổ chức chấm phúc khảo hoặc kiểm tra lại kết quả xét tuyển và kết quả kiểm tra, sát hạch trong 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nhận được đơn đề nghị phúc khảo, xem xét lại kết quả xét tuyển hoặc kiểm tra, sát hạch theo quy

định. Không giải quyết đơn đề nghị xem xét lại kết quả xét tuyển hoặc kiểm tra, sát hạch đối với các đơn đề nghị nhận sau thời hạn quy định trên và các đơn đề nghị phúc khảo gửi bằng thư điện tử, Fax, Telex.

#### **14. Phê duyệt kết quả**

Sau khi Hội đồng xét tuyển, kiểm tra, sát hạch tổng hợp kết quả trúng tuyển theo quy định, phòng Nội vụ tham mưu UBND huyện trình Sở Nội vụ thẩm định quá trình tuyển dụng công chức. Sau khi có văn bản thẩm định của Sở Nội vụ, phòng Nội vụ tham mưu Chủ tịch UBND huyện phê duyệt kết quả tuyển dụng và thông báo công nhận kết quả trúng tuyển bằng văn bản tới người dự tuyển theo địa chỉ mà người dự tuyển đã đăng ký.

#### **15. Quyết định tuyển dụng và nhận việc**

- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo trúng tuyển, người trúng tuyển công chức cấp xã phải đến Phòng Nội vụ để đối chiếu văn bằng, chứng chỉ gốc theo quy định và hoàn thiện hồ sơ dự tuyển. Hồ sơ dự tuyển phải được hoàn thiện trước khi ký quyết định tuyển dụng.

- Trường hợp người trúng tuyển có lý do chính đáng mà không thể đến hoàn thiện hồ sơ dự tuyển thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn hoàn thiện hồ sơ dự tuyển gửi Phòng Nội vụ. Thời gian xin gia hạn không quá 15 ngày, kể từ ngày hết thời hạn hoàn thiện hồ sơ dự tuyển.

- Sau khi người trúng tuyển hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định trong thời hạn 15 ngày, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ra quyết định tuyển dụng và bố trí công tác đối với từng công chức trúng tuyển; trường hợp người trúng tuyển không hoàn thiện đủ hồ sơ dự tuyển theo quy định thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo Sở Nội vụ quyết định hủy kết quả trúng tuyển.

- Chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày có quyết định tuyển dụng, người được tuyển dụng vào công chức cấp xã phải đến cơ quan nhận việc, trừ trường hợp quyết định tuyển dụng quy định thời hạn khác. Trường hợp người được tuyển dụng vào công chức có lý do chính đáng mà không thể đến nhận việc thì phải làm đơn xin gia hạn trước khi kết thúc thời hạn nêu trên gửi Ủy ban nhân dân huyện và Ủy ban nhân dân xã nơi người đó trúng tuyển công chức. Thời gian xin gia hạn không quá 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn nhận việc quy định tại khoản này. Sau khi hết thời gian gia hạn nói trên, người được tuyển dụng vào công chức cấp xã không đến nhận việc thì cơ quan sử dụng công chức (Ủy ban nhân dân cấp xã) báo cáo Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định hủy bỏ quyết định tuyển dụng.

#### **16. Phân công và tổ chức thực hiện**

##### **16.1. Phòng Nội vụ**

- Tham mưu UBND huyện xây dựng Kế hoạch xét tuyển, tiếp nhận công chức xã trình Sở Nội vụ thẩm định, phê duyệt; thành lập Hội đồng xét tuyển; Ban Giám sát kỳ xét tuyển.

- Tham mưu cho Hội đồng xét tuyển, hội đồng kiểm tra, sát hạch thành lập Ban phỏng vấn, Ban Kiểm tra, sát hạch; Tổ chuẩn bị đề và đáp án; Tổ phục vụ; Tổ bảo vệ và các nhiệm vụ khác.

- Là cơ quan Thường trực Hội đồng xét tuyển, kiểm tra, sát hạch tham mưu giúp Hội đồng tổ chức thực hiện Kế hoạch, chịu trách nhiệm thông báo chỉ

tiêu, điều kiện, lịch xét tuyển, phỏng vấn và các loại hồ sơ có liên quan, đăng ký thông báo trên thông tin đại chúng để mọi người biết và thực hiện.

- Tổ chức phát hành, tiếp nhận hồ sơ. Thu lệ phí xét tuyển, kiểm tra, sát hạch theo quy định, tổng hợp lệ phí báo cáo Hội đồng xét tuyển, kiểm tra, sát hạch.

- Tham mưu cho Hội đồng xét tuyển, kiểm tra, sát hạch thông báo công khai những người đủ và không đủ điều kiện, tiêu chuẩn dự tuyển công chức xã.

- Chủ trì phối hợp với các cơ quan chuyên môn, UBND các xã có chỉ tiêu tuyển dụng, xây dựng bộ câu hỏi, giới hạn ôn tập và tổ chức phỏng vấn theo quy định.

- Các cá nhân được giao chuẩn bị bộ đề, đáp án phỏng vấn phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, chất lượng kiến thức của bộ đề, đáp án phỏng vấn được giao.

- Lập dự trù kinh phí tổ chức xét tuyển, kiểm tra, sát hạch và quyết toán lệ phí xét tuyển, kiểm tra, sát hạch theo đúng quy định.

**16.2.** Thủ trưởng các phòng ban liên quan có trách nhiệm phối hợp phòng Nội vụ, Hội đồng xét tuyển, kiểm tra, sát hạch chuẩn bị bộ câu hỏi ôn tập kiến thức chuyên ngành, đáp án và một số nội dung liên quan trong quá trình thực hiện xét tuyển, kiểm tra, sát hạch.

**16.3.** Trưởng phòng Nội vụ, Thủ trưởng các phòng chuyên môn, UBND các xã có nhu cầu xét tuyển và tiếp nhận không qua thi tuyển công chức cấp xã; Hội đồng xét tuyển, kiểm tra, sát hạch công chức cấp xã và thí sinh dự tuyển căn cứ Kế hoạch này để thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc báo cáo UBND huyện (qua phòng Nội vụ) để xem xét, giải quyết./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



*Nguyễn Xuân Đạt*

## TỔNG HỢP

SỐ LƯỢNG, VỊ TRÍ ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀ  
TIẾP NHẬN KHÔNG QUA THI TUYỂN ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ, NĂM 2017

(Kèm theo Quyết định ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã số 1235/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của UBND huyện Quảng Trạch)

TT	Tên đơn vị	Phân loại xã	Số lượng cán bộ, công chức được bố trí theo đơn vị hành chính	Số lượng CBCC, hiện có đến 31/12/2016	Số lượng người làm việc chưa được tuyển dụng	Số lượng đăng ký xét tuyển	Số lượng đăng ký tiếp nhận không qua thi tuyển	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	9		10
1	UBND xã Quảng Hợp	1	25	24	01	01	00	
2	UBND xã Quảng Châu	1	25	24	01	01	00	Bí thư Đảng bộ là cán bộ cấp huyện luân chuyển.
3	UBND xã Quảng Kim	2	23	20	02	02	00	
4	UBND xã Cảnh Hóa	2	23	21	01	01	00	
5	UBND xã Quảng Thạch	2	23	21	01	01	00	
6	UBND xã Phù Hóa	3	21	20	02	02	00	Bí thư Đảng bộ là cán bộ cấp huyện luân chuyển; 01 Phó BTTTT đang làm hồ sơ tinh giản biên chế theo ND 108/NĐ-CP
7	UBND xã Quảng Tiến	3	21	20	01	00	01	
8	UBND xã Quảng Thanh	3	21	21	01	00	01	Bí thư Đảng bộ là cán bộ cấp huyện luân chuyển; 01 công chức ĐC-XD-NN-MT đang làm hồ sơ tinh giản biên chế theo ND 108/NĐ-CP

Danh sách này gồm: 08 vị trí đăng ký xét tuyển và 02 vị trí tiếp nhận không qua thi tuyển.



**TỜNG HỢP**

**VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP,  
ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN VÀ TIẾP NHẬN KHÔNG QUA THI TUYỂN ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC CẤP XÃ, NĂM 2017**

(Kèm theo Quyết định ban hành Kế hoạch tuyển dụng công chức cấp xã số 1295 /QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2017 của UBND huyện Quảng Trạch)

TT	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh	Ngạch	Mã số	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Mã số dự tuyển	Phân loại xã	Ghi chú
						Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		11	
<b>XÉT TUYỂN (Số lượng: 08 vị trí)</b>											
1	UBND xã Quảng Hợp	Văn phòng - Thống kê (phụ trách lĩnh vực Văn phòng)	Chuyên viên	01.003	01	Đại học các chuyên ngành: Luật; Hành chính văn thư; Hành chính; Hành chính học; Văn thư lưu trữ; Quản trị văn phòng	B	Anh B	VP-01	Xã vùng cao đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016	Xét tuyển theo Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ, và Khoản 3, Điều 2; Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh.
2	UBND xã Quảng Châu	Tài chính - Kế toán	Chuyên viên	01.003	01	Đại học các chuyên ngành: Kế toán; Kế toán - Kiểm toán; Tài chính; Tài chính - Kế toán.	B	Anh B	KT-02	Xã miền núi đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016	Xét tuyển theo Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ, và Khoản 3, Điều 2; Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh.

T T	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh	Ngạch	Mã số	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Mã số dự tuyển	Phân loại xã	Ghi chú
						Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		11	
3	UBND xã Quảng Kim	Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường (phụ trách lĩnh vực Địa chính - Xây dựng)	Chuyên viên	01a.003	01	Cao đẳng các chuyên ngành: Quản lý đất đai; Công nghiệp công trình nông thôn; Xây dựng; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng; Quản lý xây dựng; Xây dựng dân dụng; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Xây dựng cầu đường; Xây dựng công trình; Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông.	B	Anh B	XD-03	Xã miền núi đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016	Xét tuyển theo Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ, và Khoản 3, Điều 2; Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh.
4		Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường (phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp - Môi trường)	Chuyên viên	01.003	01	Đại học các chuyên ngành: Lâm học; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Trồng trọt; Chăn nuôi; Thú y; Chăn nuôi - Thú y; Phát triển nông thôn; Khuyến nông và phát triển nông thôn; Bảo vệ thực vật; Kinh tế nông nghiệp; Quản lý môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường; Địa lý môi trường; Kinh tế tài nguyên và môi trường; Bảo vệ môi trường.	B	Anh B	NN-04	Xã miền núi đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016	Xét tuyển theo Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ, và Khoản 3, Điều 2; Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh.

*Handwritten mark*

T	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh	Ngạch	Mã số	Chi tiêu	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Mã số dự tuyển	Phân loại xã	Ghi chú
						Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		11	
5	UBND xã Cảnh Hóa	Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường (phụ trách lĩnh vực Địa chính - Xây dựng)	Chuyên viên	01.003	01	Đại học các chuyên ngành: Địa chính; Công nghiệp công trình nông thôn; Xây dựng; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng; Quản lý xây dựng; Xây dựng dân dụng; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Xây dựng cầu đường; Xây dựng công trình; Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông.	B	Anh B		Xã miền núi đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016	Xét tuyển theo Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ, và Khoản 3, Điều 2; Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh.
6	UBND xã Quảng Thạch	Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường (phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp - Môi trường)	Cán sự	01.004	01	Trung cấp các chuyên ngành: Nông nghiệp; Khuyến nông; Trồng trọt; Chăn nuôi; Thú y; Chăn nuôi - Thú y; Phát triển nông thôn; Khuyến nông và phát triển nông thôn; Bảo vệ thực vật; Kinh tế nông nghiệp; Quản lý môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường; Địa lý môi trường; Kinh tế tài nguyên và môi trường; Bảo vệ môi trường.	A	Anh A		Xã miền núi đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016	Xét tuyển theo Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ, và Khoản 3, Điều 2; Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh.

*Handwritten mark*

T T	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh	Ngạch	Mã số	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Mã số dự tuyển	Phân loại xã	Ghi chú
						Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		11	
7	UBND xã Phù Hòa	Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường (phụ trách lĩnh vực Nông nghiệp - Môi trường)	Chuyên viên	01.003	01	Đại học các chuyên ngành Nông học; Quản lý tài nguyên rừng và môi trường; Trồng trọt; Chăn nuôi; Thú y; Chăn nuôi - Thú y; Phát triển nông thôn; Khuyến nông và phát triển nông thôn; Bảo vệ thực vật; Kinh tế nông nghiệp; Quản lý môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường; Khoa học môi trường; Địa lý môi trường; Kinh tế tài nguyên và môi trường; Bảo vệ môi trường.	B	Anh B	NN-07	Đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Xét tuyển theo Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ, và Khoản 3, Điều 2; Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh.
8		Địa chính - Xây dựng - Nông nghiệp - Môi trường (phụ trách lĩnh vực Địa chính - Xây dựng )	Chuyên viên	01.003	01	Đại học các chuyên ngành: Quản lý đất đai; Công nghiệp công trình nông thôn; Xây dựng; Kỹ thuật công trình xây dựng; Kỹ thuật công trình giao thông; Kỹ thuật xây dựng; Quản lý xây dựng; Xây dựng dân dùng; Xây dựng dân dụng và công nghiệp; Xây dựng cầu đường; Xây dựng công trình; Xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông.	B	Anh B	XD-08	Đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Xét tuyển theo Điểm b, Khoản 1, Điều 7, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ, và Khoản 3, Điều 2; Khoản 1, Điều 16, Quyết định số 14/2013/QĐ-UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh.

TIẾP NHẬN KHÔNG QUA THI TUYỂN (Số lượng: 02 vị trí)

*me*

T T	Đơn vị đăng ký dự tuyển	Chức danh	Ngạch	Mã số	Chỉ tiêu	Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu			Mã số dự tuyển	Phân loại xã	Ghi chú
						Trình độ, chuyên ngành đào tạo	Tin học	Ngoại ngữ			
1	2	3	4	5	6	7	8	9		11	
1	UBND xã Quảng Tiến	Tư pháp - Hộ tịch	Chuyên viên	01.003	01	Đại học tốt nghiệp loại giỏi các chuyên ngành: Luật; Pháp lý	B	Anh A	TP-09	Xã miền núi đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư của chương trình 135 năm 2016	Xét tuyển theo Điểm a, Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ; và Khoản 1, Điều 22, Điều 23, Quyết định số 14/2013/QĐ- UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh.
2	UBND xã Quảng Thanh	Tư pháp - Hộ tịch	Chuyên viên	01.003	01	Đại học tốt nghiệp loại giỏi các chuyên ngành: Luật; Pháp lý	B	Anh B	TP-10	Xã Đồng bằng	Xét tuyển theo Điểm a, Khoản 1, Điều 21, Nghị định số 112/2011/NĐ-CP của Chính phủ; và Khoản 1, Điều 22, Điều 23, Quyết định số 14/2013/QĐ- UBND ngày 26/6/2013 của UBND tỉnh.
<b>Tổng hợp</b>										<b>10 vị trí</b>	

Danh sách này gồm có: 10 vị trí việc làm (Xét tuyển: 08 vị trí; Tiếp nhận không qua thi tuyển: 02 vị trí). Trong đó: chức danh VP-TK: 01;  
ĐC-XD-NN-MT: 06; TP-HT: 02; TC-KT: 01.